

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **326/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/9/2018

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
anh Vũ Xuân T và chị Nguyễn Thị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ma Thị Thu Loan

2. Ông Ngô Cao Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLST - HNGĐ, ngày 23/5/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15/8/2018; quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T), sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2001, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 04/9/2001 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2005 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 5/2005, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Nay, anh

xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không thể hòa giải được, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Vũ Thị C1, sinh ngày 12/12/1999 và cháu Vũ Thị C2, sinh ngày 21/7/2002. Hiện tại, cháu Vũ Thị C1 đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên anh không yêu cầu giải quyết, còn cháu Vũ Thị C2 đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu C2 và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi chị Nguyễn Thị T đến để giải quyết vụ án nhưng chị T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn L (là anh trai ruột của chị T và đang sinh sống tại tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S) thì anh T và chị T có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới chị T theo chồng về sinh sống và làm ăn ở nhà chồng tại xã T, huyện S. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S từ năm 2005 và sống ly thân với anh T từ đó đến nay. Hiện nay, chị T đang đi làm ăn xa, vẫn thường xuyên liên lạc với ông và thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể hiện nay đang ở đâu. Ông cũng đã thông báo cho chị T biết việc anh T đang làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng chị T vẫn không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) được ly hôn với chị Nguyễn Thị T; giao cháu Vũ Thị C2, sinh ngày 21/7/2002 cho anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện Sơn Dương. Chị T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình chị T đã thông báo nhưng chị T vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng và đã ly thân từ năm 2005 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) là xử cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[2] Về con chung: Anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là Vũ Thị C1, sinh ngày 12/12/1999 hiện đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Vũ Thị C2, sinh ngày 21/7/2002 đang ở cùng anh T, do chị T không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao

cháu C2 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) không đề nghị Toà án giải quyết nên HDXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị C1, sinh ngày 21/7/2002 cho anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Xuân T (Vũ Văn T) phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005925 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Nguyễn Thị T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;
- UBND thị trấn S;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai